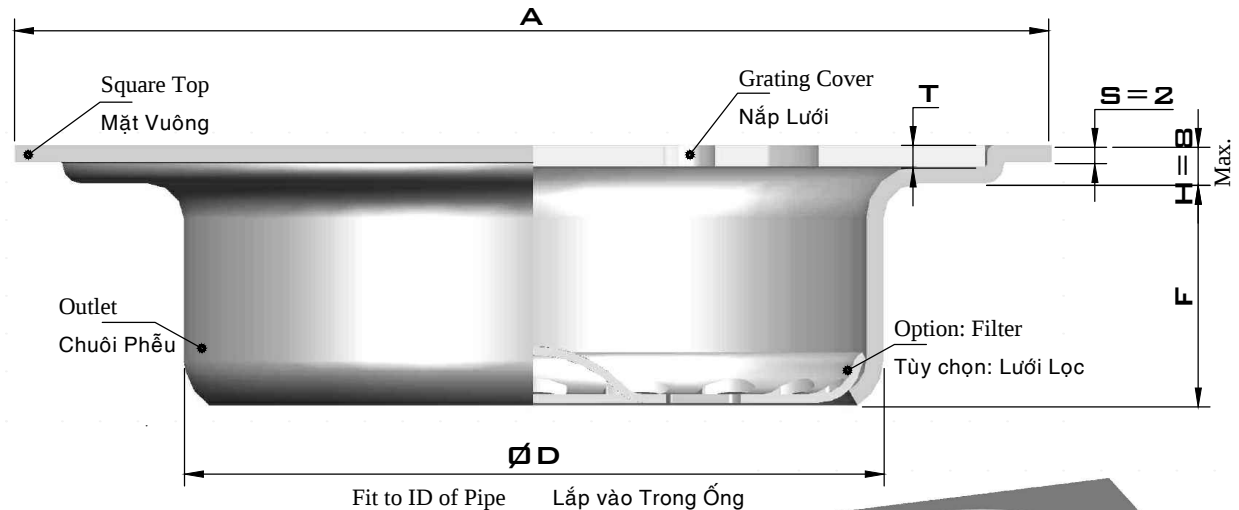


Kiểu EX Model



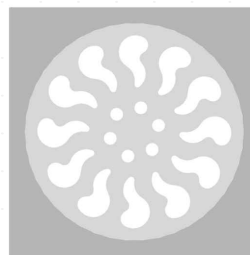
Options Tùy chọn



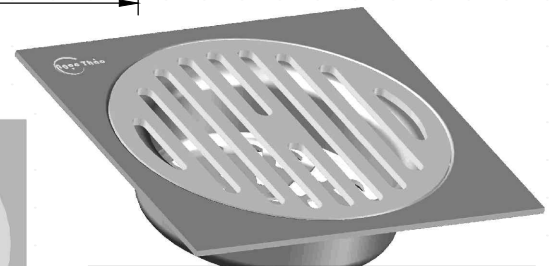
Curved Slot Grate
Nắp rãnh Cong **1**



Straight Slot Grate
Nắp rãnh Thẳng **2**



Daisy Slot Grate
Nắp rãnh Hoa Cúc **6**



Key Features

Key Features	Đặc điểm
Material: 304/316 Stainless Steel	Vật liệu: Inox 304/316
Water Out Fast	Thoát nước Nhanh
Hair/Trash Blocking	Ngăn Rác, Cản Tóc
Tolerance: ±5%	Dung sai: ±5%

Drain Pipe Diameter	A	ØD	F (Min.)	T	Free Area	Code
Đường kính Ống xả					Diện tích Rãnh thoát	Mã số
(in)	Ø (mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm ²)	
DN65	2 1/2 76	100	68	20	2,070	EX 075 O100S 2 2 23
DN65	2 1/2 76	110	68	20	3,290	EX 075 O110S 2 2 23
DN65	2 1/2 76	120	68	20	3,290	EX 075 O120S 2 2 23
DN80	3 90	100	81	24	2,070	EX 090 O100S 2 2 23
DN80	3 90	110	81	24	3,290	EX 090 O110S 2 2 23
DN80	3 90	120	81	24	3,290	EX 090 O120S 2 2 23
DN100	4 110	125	98	32	3,290	EX 110 O125S 2 2 23
DN100	4 110	140	98	32	5,130	EX 110 O140S 2 2 23
DN100	4 114	125	102	32	3,290	EX 114 O125S 2 2 23
DN100	4 114	140	102	32	5,130	EX 114 O140S 2 2 23
DN125	5 140	180	125	36	6,800	EX 140 O180S 2 2 23
DN150	6 160	200	148	40	9,090	EX 160 O200S 2 2 23
DN150	6 168	200	152	40	9,090	EX 168 O200S 2 2 23
DN200	8 200	220	180	45	12,060	EX 200 O220S 2 2 23

With/Without Filter

Có/Không có Lưới Lọc

2/0

Curved/Straight/Daisy Slots
Rãnh Cong/Thẳng/Hoa Cúc

1/2/6